

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS
PORTSERCO**

-----***-----



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2016**



Đà Nẵng, tháng 02 năm 2017.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS PORTSERCO

Năm báo cáo 2016

I/ Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS PORTSERCO**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400438101
- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Số 59 Ba Đình, P. Thạch Thang, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.
- Số điện thoại: 0511-3894717/3822113/3889390
- Số fax: 0511-3863736
- Email: portserco@portserco.com
- Website: portserco.com
- Mã cổ phiếu: **PRC**
- Quá trình hình thành và phát triển:

Được thành lập từ năm 1993 với tên Xí nghiệp dịch vụ tổng hợp Cảng Đà Nẵng trực thuộc Cảng Đà Nẵng và hoạt động theo phương thức báo sổ với ngành nghề kinh doanh chính là kinh doanh vận tải đa phương thức và kinh doanh thương mại.

Tháng 12 năm 2002, Xí nghiệp được tiến hành Cổ phần hóa theo chủ trương chung và lấy tên là Công ty cổ phần dịch vụ tổng hợp Cảng Đà Nẵng (tên giao dịch tiếng Anh là PORTSERCO) có vốn điều lệ là 06 tỷ VNĐ với vốn nhà nước chiếm 30% vốn điều lệ do Tổng công ty Hàng hải VN làm Chủ sở hữu vốn. Đến năm 2008 đổi tên thành Công ty cổ phần PORTSERCO và tăng vốn điều lệ lên 12 tỷ VNĐ. Đến tháng 11/2010 Công ty thực hiện việc niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX) với mã chứng khoán PRC. Tháng 11/2013 Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã thực hiện việc thoái vốn tại Công ty theo chủ trương chung. Ngày 29/03/2016 Công ty đã đổi tên thành **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS PORTSERCO**.

Hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm qua đều đạt kế hoạch do HĐQT và ĐHCĐ đề ra với mức tăng trưởng bình quân là 10% / năm, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, chia cổ tức cho cổ đông của công ty, tăng giá trị Doanh nghiệp.

Với những kết quả đã đạt được, Công ty đã được Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty và Công đoàn Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam,

UBND Thành phố Đà Nẵng tặng nhiều bằng khen, cờ thi đua và nhiều danh hiệu thi đua khác, năm 2008 Công ty đã được giải thưởng Sao vàng Đất Việt..

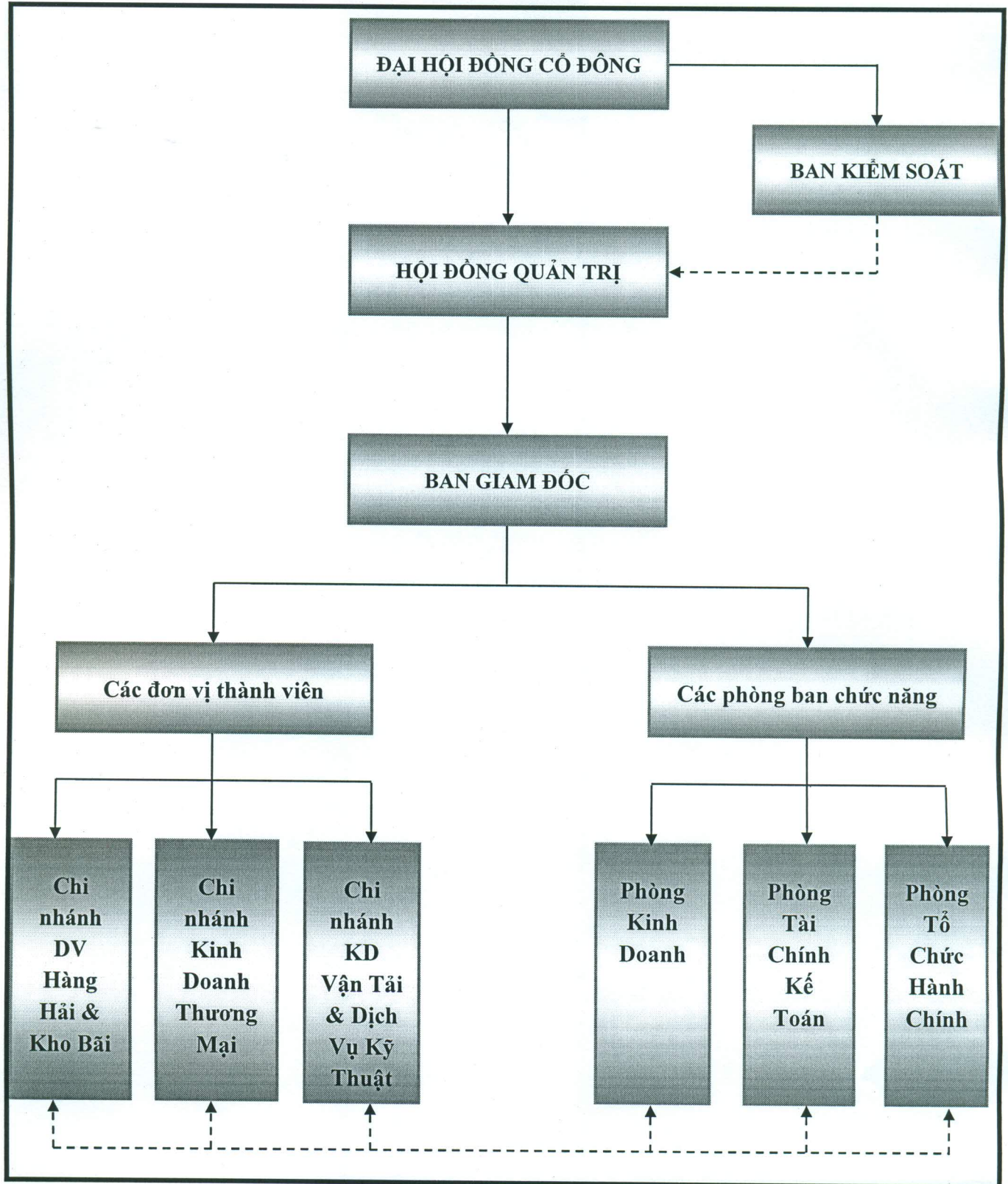
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1 Ngành nghề kinh doanh: (các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

- Kinh doanh vận tải đa phương thức.
- Kinh doanh Dịch vụ hàng hải và Kho bãi lưu giữ, bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng: vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng;
- Đại lý xăng dầu; Dầu công nghiệp

2.2 Địa bàn kinh doanh: Hoạt động chính tại khu vực Trung Trung Bộ- Việt nam và Lào.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



-----> Quan hệ chức năng.
----- Quan hệ trực tuyến.

* Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty liên kết: **Công Ty CP Vận Tải PST Đà Nẵng.**

+ Địa chỉ: 40 đường 3/2, phường Thuận Phước, quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: vận tải xếp dỡ hàng hóa

+ Vốn điều lệ : 8.000.000.000 VND

+ Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại cty liên kết: 35% tương ứng 2.800.000.000 VND

4. Định hướng phát triển

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm từ 2014 đến 2018 là 8 – 10 %/ năm. Mức chia cổ tức hàng năm tối thiểu 8% vốn điều lệ. Phát triển thị trường dịch vụ, bảo đảm lợi ích hài hòa của cổ đông và người lao động.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phương tiện thiết bị ... đến năm 2018 cơ bản hoàn thiện hệ thống cung cấp dịch vụ kinh doanh Logistics

- Kêu gọi đầu tư, xây dựng đối tác chiến lược nhằm gia tăng nguồn lực và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

- Tiếp tục nâng cao uy tín, xây dựng thương hiệu của doanh nghiệp, đảm bảo cung cấp các dịch vụ có chất lượng cao, thỏa mãn nhu cầu của Quý khách hàng, lấy phương châm "**Hàng hóa đến mọi nơi bạn cần**" với tiêu chí "**Uy Tín - Đơn Giản - Hiệu Quả**" là mục tiêu phục vụ của PORTSERCO.

- Đến năm 2020 Công ty cổ phần Logistics PORTSERCO trở thành nhà cung cấp dịch vụ Logistic có tính chuyên nghiệp cao, tham gia hiệu quả vào chuỗi cung ứng tại miền Trung-Tây nguyên..

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của công ty:

- Thực hiện việc phát triển doanh nghiệp gắn với bảo vệ môi trường như giảm mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, sử dụng nước, sử dụng năng lượng, hướng đến việc tăng cường sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường, thu gom chất thải công nghiệp đúng quy định.

- Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư phát triển doanh nghiệp về cơ sở vật chất kỹ thuật, từng bước thay thế các trang thiết bị cũ bằng các thiết bị mới hiện đại sử dụng ít nguyên nhiên vật liệu và giảm khí thải độc hại ra môi trường (tiêu chuẩn EURO cao), có tính an toàn cao trong vận hành. Tuân thủ các quy định trong việc khai thác vận hành kho bãi hàng hóa, công tác PCCN, tràn đổ hóa chất, xử lý chất thải...

- Thiết lập Hệ thống quản lý chất lượng doanh nghiệp theo tiêu chuẩn ISO, nâng cao tính hiệu quả và tính chuyên nghiệp trong kinh doanh.

- Việc phát triển doanh nghiệp gắn với việc bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho Người lao động, bảo đảm việc làm ổn định, tăng thu nhập, góp phần vào công tác An sinh xã hội. Tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện khác...

- Quan tâm công tác đào tạo và đào tạo lại lao động đáp ứng yêu cầu công tác mới, xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề có khả năng nắm bắt được công nghệ kỹ thuật cao, có tinh thần trách nhiệm cộng đồng.

5. Các rủi ro:

- Nền kinh tế nói chung phục hồi chậm, lưu thông hàng hóa tăng thấp, nhu cầu dịch vụ Logistics còn gặp nhiều hạn chế từ nhận thức. . dẫn đến ảnh hưởng hiệu quả đầu tư của Công ty.

- Sự bất ổn của chi phí nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, các khoản phí và lệ phí ngày càng tăng làm doanh nghiệp khó khăn trong quản lý và tính toán giá thành.

- Nguồn tài chính hạn chế ảnh hưởng việc đầu tư phát triển, làm tăng chi phí vốn, dễ gây bất ổn khi có sự thay đổi trong chính sách tiền tệ

II/ Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	KH 2016	TH 2016	TH 2015	So sánh TH 2016 với	
				KH 2016	TH 2015
Doanh thu	163.000.000	132.411.212	147.642.372	81,23%	89,68%
Lợi nhuận trước thuế	1.900.000	3.917.258	2.761.081	206,17%	141,87%
Lợi nhuận sau thuế	1.762.000	3.121.455	2.201.704	177,15%	141,77%

Năm 2016, Công ty tiếp tục giữ vững mối quan hệ với khách hàng chiến lược, phát triển khách hàng mới và mở rộng kinh doanh về kho bãi.

Để đáp ứng nhu cầu vận chuyển, lưu container, Công ty đã mua sắm thêm phương tiện vận tải, đầu tư xây dựng kho bãi tại Khu hậu cần Cảng (Suối Vườn dừa) và đưa vào sử dụng từ đầu năm 2016

Tổng doanh thu năm 2016 là 132,411 tỷ, bằng 81,23 % KH; bằng 89,68 % so với năm 2015, giảm 15,231 tỷ

Lợi nhuận trước thuế 3,917 tỷ, tăng 106,17 % KH; tăng 41,87 % so với năm 2015.

Doanh thu năm 2016 giảm so với kế hoạch và năm 2015 chủ yếu là do biến động giá xăng dầu giảm kéo theo đơn giá vận chuyển hàng hóa giảm làm cho doanh thu không đạt kế hoạch nhưng lợi nhuận vẫn tăng.

Trong tình hình đó, Công ty đã có nhiều giải pháp để khắc phục khó khăn như thực hành tiết kiệm, hạ giá thành dịch vụ để chia sẻ với khách hàng, tăng cường quản lý chi phí

Trong năm 2016, Công ty làm tốt việc thanh toán, chi phí tài chính được kiểm soát tốt; Thu nhập góp vốn liên doanh là 117 triệu. Lợi nhuận trước thuế so với năm 2015 tăng 41,87%.

Tóm lại :

Công ty đã tăng cường quản lý chi phí, quản lý tài chính nên lợi nhuận kinh doanh không ngừng tăng lên.

Về tài chính, khả năng thanh toán, khả năng sinh lời đều ở xu thế tăng dần qua các năm.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

* Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- **Hội đồng quản trị Công ty**

1. Ông	: Nguyễn Xuân Dũng
- Chức vụ tại Công ty	: Chủ tịch HĐQT
- Giới tính	: Nam
- Ngày tháng năm sinh	: 18/5/1956
- Nơi sinh	: Điện Bàn, Quảng Nam
- Chứng minh thư nhân dân	: 200187035
- Quốc tịch	: Việt Nam
- Dân tộc	: Kinh
- Quê quán	: Điện Bàn, Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú	: 47/14 Nguyễn Du, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng
- Điện thoại liên lạc	: 05113.822 517
- Trình độ văn hóa	: 12/12
- Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân Ngoại ngữ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần	: 225.500 CP

- Quá trình công tác:

Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	Quá trình công tác
3/1971 – 02/1975	Hoạt động đơn tuyển bí mật trong phong trào sinh viên học sinh tại Đà Nẵng do đặc khu đoàn Quảng Đà trực tiếp chỉ đạo.
03/1975-11/1981	Công tác tại Hội liên hiệp Thanh niên tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng
12/1981-10/1984	Kỹ sư Xưởng cơ khí Cảng Đà Nẵng
11/1984-12/1989	Phó Giám đốc Xưởng sửa chữa Cơ khí Cảng Đà Nẵng
01/1990-12/1992	Phó Giám đốc Kỹ thuật Xí nghiệp xếp dỡ Cảng Đà Nẵng
01/1993-11/1994	Trưởng Trung tâm khai thác Cảng Đà Nẵng
12/1994-6/2001	Phó Giám đốc Cảng Đà Nẵng
7/2001- 2016	Phó Tổng Giám đốc Cảng Đà Nẵng
Từ 2016 đến nay	Hưu trí
01/2003-10/2008	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng
11/2008- nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Logistics PORTSERCO.

2. Ông : Nguyễn Lê Minh

- Chức vụ tại Công ty : Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 02/10/1960
- Nơi sinh : Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân : 201048057
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Sơn Tịnh, Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú : 32 Cao Thắng, Tp Đà Nẵng
- Điện thoại liên lạc : 05113.894717
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí chế tạo, Cử nhân Kinh tế - Quản trị KD
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần : 235.000 CP
- Quá trình công tác:

Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	Quá trình công tác
9/1983 – 9/1985	Thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Lữ 239-BTL Công binh – Chức vụ Chiến sỹ.
9/1985-10/1988	Kỹ sư – Kỹ thuật Xưởng Cơ khí: Xí nghiệp xếp dỡ Tiên Sa – Cảng Đà Nẵng.
10/1988-10/1989	Đội phó Cơ giới: Phụ trách Xưởng cơ khí Tiên Sa – Cảng Đà Nẵng.
10/1989-12/1993	Phụ trách Xưởng Cơ khí Tiên Sa.
01/1994-8/1996	Phó Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng.
8/1996-12/2002	Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng.
01/2003-10/2008	Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng.
11/2008- nay	Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics PORTSERCO.

3/ Ông**: Lê Nam Hùng**

- Chức vụ tại Công ty : Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 17/01/1978
- Nơi sinh : Hòa Phước, Hòa Vang, Đà Nẵng
- Chứng minh thư nhân dân : 201374872
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hòa Phước, Hòa Vang, Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú : 80 Châu T Văn, Tp Đà Nẵng
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Quản trị kinh doanh
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần : **91.000 CP**
- Quá trình công tác:

Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	Quá trình công tác
5/2000-7/2001	Nhân viên tổ chức lao động – Tổng Công ty Xây dựng Miền trung.
8/2001-12/2002	Chuyên viên Xí nghiệp Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng

01/2003-11/2005	Phó Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng.
12/2005-10/2008	Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng.
11/2008 - 12/2010	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Logistics PORTSERCO
Từ T1/2011- nay	Phó giám đốc Công ty Cổ phần Logistics PORTSERCO

- 4. Ông : Mai Văn Quang**
- Chức vụ tại Công ty : Ủy viên HĐQT Công ty
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 15/06/1962
 - Nơi sinh : Đà Nẵng
 - Chứng minh thư nhân dân : 200053847
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Duy Xuyên, Quảng Nam
 - Địa chỉ thường trú : 47/10 Nguyễn Du, Đà Nẵng
 - Điện thoại liên lạc : 0914 063 123
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Đại Học Quản Trị Kinh Doanh
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần : 36.100 CP
 - Quá trình công tác:

Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	Quá trình công tác
2/1986 – 8/1988	Nghĩa vụ quân sự.
8/1988 – 3/2003	Phó Giám đốc Vietfracht Đà Nẵng
4/2003 – 2/2016	Tổng Giám đốc Asiatrans Vietnam

- 5/ Bà : Nguyễn Thị Tuyết**
- Chức vụ tại Công ty : Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty
 - Giới tính : Nữ

- Ngày tháng năm sinh : 08/01/1966
- Nơi sinh : Điện Bàn, Quảng Nam
- Chứng minh thư nhân dân : 201352620
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Điện Hòa, Điện Bàn, Quảng Nam.
- Địa chỉ thường trú : 39 Châu Thượng Văn, TP Đà Nẵng.
- Điện thoại liên lạc : 0905187665
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Tài chính Kế toán
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần : **110.610 CP**
- Quá trình công tác:

Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	Quá trình công tác
2/1984-5/1986	Cán sự Thống kê Xí nghiệp xếp dỡ Cảng Đà Nẵng
6/1986-9/1996	Cán sự Kế toán Xí nghiệp xếp dỡ Cảng Đà Nẵng
10/1996-12/2002	Cán sự Kế toán Xí nghiệp Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng
01/2003-7/2013	Chuyên Viên Thống Kê Công Ty Cổ Phần PORTSERCO
8/2013-12/2013	Phó Phòng Phụ trách Phòng TCKT Công ty cổ phần Logistics PORTSERCO
20/12/2013 đến nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Logistics PORTSERCO

• **Ban Kiểm soát Công ty:**

- 1/ Bà : Tôn Thị Kim Tuyền**
- Chức vụ tại Công ty : Trưởng ban kiểm soát
 - Giới tính : Nữ
 - Ngày tháng năm sinh : 10/10/1960
 - Nơi sinh : Điện Bàn, Quảng Nam.
 - Chứng minh thư nhân dân : 200749766
 - Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Điện Bàn, Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú : 02 Đống Đa, Tp Đà Nẵng
- Số điện thoại liên lạc : 05113.822517
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế - Tài chính Kế toán
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần : **4.000 CP**
- Quá trình công tác:

Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	Quá trình công tác
5/1979-11/1996	Nhân viên Kế toán Phòng TCKT Cảng Đà Nẵng
12/1996-3/2001	Chuyên viên Kế toán Phòng TCKT Cảng Đà Nẵng
4/2001- 10/2015	Phó Phòng TCKT Cảng Đà Nẵng
01/2003-10/2008	Trưởng BKS Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng
11/2008 - nay	Trưởng BKS Công ty Cổ phần Logistics PORTSERCO

2/ Bà : Âu Thị Mai Hoa

- Chức vụ tại Công ty : Ủy viên ban kiểm soát
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 03/02/1963
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Chứng minh thư nhân dân : 200068344
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nghĩa Phương, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú : K21/2 Mai Lão Bạng, Q.Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại liên lạc : 05113.886305
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán, Quản trị Kinh doanh
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần : **19.000 CP**

- Quá trình công tác:

Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	Quá trình công tác
4/1979-12/1980	Binh nhất Trường Hạ sỹ quan Quân khu V
01/1981-12/1982	Thủ kho đội sản xuất phụ Cảng Đà Nẵng
01/1983-4/1984	Kế toán khu Tiên Sa Cảng Đà Nẵng
4/1984-11/1996	Kế toán Xí nghiệp Cơ khí Cảng Đà Nẵng
12/1996-5/2002	Chuyên viên Kế toán Xí nghiệp Cơ khí Đà Nẵng
6/2002-12/2002	Chuyên viên Kế toán Xí nghiệp dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng
01/2003-10/2008	Chuyên viên Kế toán Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng
11/2008 - 8/2013	Chuyên viên Lao động Tiền lương Công ty Cổ phần Logistics PORTSERCO.
9/2013-nay	Phó Phòng Tổ chức Hành chính Công ty cổ phần Logistics PORTSERCO

3/ Bà : Mai Trúc Huyền

- Chức vụ tại Công ty : Ủy viên ban kiểm soát
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 05/01/1964
- Nơi sinh : Đại Lộc – Quảng Nam
- Chứng minh thư nhân dân : 200775592
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đại Phước – Đại Lộc – Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú : K30/12 Hoàng Diệu, Q.Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại liên lạc : 0903 565 789.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Ngoại thương
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần : **24.800 CP**
- Quá trình công tác:

Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	Quá trình công tác
9/1981-6/1986	Công nhân tổ tổng hợp Xí nghiệp Cơ khí Cảng Đà Nẵng
7/1986-10/1990	Nhân viên bán hàng Xí nghiệp Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng
11/1990-9/1994	Nhân viên phục vụ Nhà hàng Quê Hương – Phòng Hành chính Cảng Đà Nẵng.
10/1995-7/2005	Kê toán câu lạc bộ Thủy thủ Cảng Tiên Sa
8/2005-nay	Phụ trách Chi nhánh Cửa hàng Miễn thuế Công ty cổ phần Logistics PORTSERCO, kiêm kế toán Chi nhánh Dịch vụ Hàng hải và Kho bãi

• Các cán bộ quản lý:

- 1/ Ông : **Tôn Hưng Toàn**
- Chức vụ tại Công ty : Phó Trưởng Phòng Kinh doanh công ty
 - Giới tính : Nam
 - Ngày tháng năm sinh : 27/10/1980
 - Nơi sinh : Đà Nẵng
 - Chứng minh thư nhân dân : 201420076
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Điện Quang – Điện Bàn – Quảng Nam
 - Địa chỉ thường trú : 304/10 Điện Biên Phủ, Q.Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
 - Trình độ văn hóa : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh Tế - Kế toán Tài chính
 - Tỷ lệ sở hữu cổ phần : 0 CP
 - Quá trình công tác:

Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	Quá trình công tác
01/2005 – 12/2006	Nhân viên Phòng Kinh doanh Công ty cổ phần Logistics PORTERCO
01/2007 – 10/2008	Nhân viên Phòng TCHC Công ty cổ phần Logistics PORTSERCO
01/2009-9/2014	Nhân viên Phòng Kinh doanh Công ty cổ phần Logistics PORTSERCO

10/2014 đến nay	Phó Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty cổ phần Logistics PORTSERCO.
-----------------	--

2/ Ông : Huỳnh Ngọc Tuấn

- Chức vụ tại Công ty : Phó Phòng Tài chính Kế toán công ty
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 02/11/1961
- Nơi sinh : Quảng Nam
- Chứng minh thư nhân dân : 200698080
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Điện Trung – Điện Bàn – Quảng Nam.
- Địa chỉ thường trú : K83/H20-34 Huỳnh Ngọc Huệ, Q.Thanh Khê, TP.Đà Nẵng
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học – ngành Kinh tế Công nghiệp
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần : 400CP
- Quá trình công tác:

Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	Quá trình công tác
02/1985 – 02/1991	Giáo viên Trường Trung học giao thông vận tải 5 (Nam Ô)
03/1991 – 10/2003	Trưởng phòng TCKT Xí nghiệp liên hiệp Vận tải đường sắt KV2
11/2003 – 10/2007	Trưởng Phòng Tài vụ Xí nghiệp Toa xe khách Đà Nẵng
11/2007-10/2008	Trợ lý Giám đốc Xí nghiệp Toa xe Đà Nẵng
11/2009-Nay	Phó Phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần Logistics PORTSERCO

3/ Ông : Võ Hoài Nam

- Chức vụ tại Công ty : Giám đốc Chi nhánh Dịch vụ Hàng hải và Kho bãi.
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 24/02/1976
- Nơi sinh : Hà Nội

- Chứng minh thư nhân dân : 201274656.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán :
- Địa chỉ thường trú : 27 Cao Thắng, TP. Đà Nẵng.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần : **15.000 CP**
- Quá trình công tác:

Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	Quá trình công tác
7/2003 – 9/2005	Nhân viên Phòng Kinh doanh Công ty CP DVTH Cảng Đà Nẵng
10/2005 – 12/2008	Phụ trách Trạm Dịch vụ Hàng Hải Công ty CP DVTH Cảng Đà Nẵng
1/2009 – 11/2009	Phó Trạm Dịch vụ Hàng hải Công ty CP Logistics PORTSERCO
12/2009 – 12/2010	Trưởng Trạm Dịch vụ Hàng hải Công ty CP Logistics PORTSERCO
1/2011 đến nay	Giám đốc Chi nhánh DVHH và Kho bãi Công ty CP Logistics PORTSERCO

4/ Ông : Nguyễn Anh Tài

- Chức vụ tại Công ty : Giám đốc Chi nhánh KDVT và DVKT
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 16/07/1979
- Nơi sinh : Tam Kỳ, Quảng Nam
- Chứng minh thư nhân dân : 201423749
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thị xã Tam Kỳ - Tỉnh Quảng Nam.
- Địa chỉ thường trú : 288 Phan Chu Trinh, Tam Kỳ, Quảng Nam.
- Trình độ văn hóa : 12/12

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần :10.000 CP
- Quá trình công tác:

Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	Quá trình công tác
1/2003 – 3/2005	Kỹ sư Nhà máy đóng tàu Đà Nẵng
7/2005 – 12/2008	Kỹ sư cơ khí Công ty CP DVTH Cảng Đà Nẵng
1/2009 – 7/2010	Kỹ sư cơ khí Công ty CP Logistics PORTSERCO
8/2010 - 12/2010	Phó Trạm KDVT & DVKT Công ty CP Logistics PORTSERCO
1/2011 đến nay	Giám đốc Chi nhánh KDVT & DVKT Công ty CP Logistics PORTSERCO

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm 2016, Trưởng phòng TCHC chuyển công tác.

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên. Những chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

* Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Cán bộ công nhân viên của Công ty hiện nay (số liệu ngày 31/12/2016): 73 người gồm 66 CBCNV và 07 CBCNV nghỉ hưu hợp đồng lại .Trong đó:

- Lao động quản lý (văn phòng công ty): 16 người.
- Lao động điều hành trực tiếp (các đơn vị trực thuộc): 11 người.
- Lao động phục vụ bán hàng, bảo vệ và Sản xuất trực tiếp: 46 người.

* Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Các biện pháp bảo đảm việc làm cho Người lao động:
 - + Người sử dụng lao động căn cứ vào Kế hoạch kinh doanh, chiến lược kinh doanh của Công ty do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị quyết định. Để xây dựng nhân sự, đáp ứng nhu cầu công việc.
 - + Người sử dụng lao động phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị trong công ty bằng nhiều biện pháp tìm kiếm việc làm cho người lao động, ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh của công ty.
 - + Người sử dụng lao động khuyến khích tập thể, cá nhân trong việc tìm kiếm việc làm và có những chính sách khen thưởng kịp thời để động viên.

+ Phát triển thị trường đưa các sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa của công ty mở rộng cả trong nước và ngoài nước.

- Khi tuyển dụng lao động, người sử dụng lao động phải căn cứ vào tiêu chuẩn sức khỏe quy định cho từng loại công việc, tổ chức huấn luyện, hướng dẫn, thông báo cho người lao động về những quy định, biện pháp làm việc an toàn, vệ sinh và những khả năng tai nạn cần đề phòng trong công việc của từng người lao động. Người lao động được khám sức khỏe định kỳ theo chế độ quy định, chi phí khám do Người sử dụng lao động chịu.

- Bảo hiểm xã hội:

+ Doanh nghiệp sẽ thực hiện chế độ đóng BHXH, BHYT, BHTN cho toàn bộ người lao động trong công ty sau khi hết thời hạn thử việc và được Giám đốc công ty chính thức ký HĐLĐ theo mức đóng quy định theo thang lương, bảng lương của công ty.

+ Hàng tháng, doanh nghiệp sẽ thay mặt người lao động đóng toàn bộ khoản BHXH, BHYT, BHTN mà người lao động phải đóng cho cơ quan BHXH.

+ Khi tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN người lao động sẽ được cấp sổ BHXH, Thẻ BHYT và được cơ quan BHXH chi trả cho người lao động trong những trường hợp như: nghỉ ốm, nghỉ thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, nghỉ hưu, tử tuất, trợ cấp thất nghiệp, nghỉ phục hồi sức khỏe.

- Bảo hiểm thân thể 24/24: Nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình làm việc và nghỉ ngơi nếu gặp rủi ro bị tai nạn. Công ty mua toàn bộ phần bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả người lao động đã được Giám đốc công ty ký hợp đồng, người sử dụng lao động đóng 100% chi phí bảo hiểm này.

- Công ty cũng đã áp dụng hệ thống chỉ số đo lường hiệu suất chính (KPIs) Công ty cổ phần logistics PORTSERCO được xây dựng để đánh giá hiệu quả làm việc của bộ phận, cá nhân trong Công ty. Xây dựng chương trình thực hiện tốt 5S.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a/ Các khoản đầu tư lớn.

Để nâng cao hệ thống kho bãi, hệ thống cây xăng dầu và năng lực vận tải Công ty đầu tư mới 01 xe nâng; 01 xe xúc; 02 cột bơm xăng; 07 rơ móc và 05 đầu kéo container với tổng giá trị 9,210 tỷ đồng.

b/Các công ty con, công ty liên kết.

Từ năm 2008, Công ty đã đầu tư góp vốn để thành lập công ty liên kết là Công ty cổ phần vận tải PST với số vốn góp là 2,8 tỷ VNĐ, chiếm 35% vốn điều lệ của Cty là 8 tỷ VNĐ.

Trong năm 2016, công ty CP vận tải PST gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặc dù đã chủ động khắc phục những khó khăn nhưng công ty đã không hoàn thành kế hoạch HDQT giao.

Kết quả kinh doanh 2016 cụ thể như sau ;

- Doanh số : 17,081 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 492,977 triệu đồng
- Chia cổ tức : 4,2% VDL.

Tình hình tài chính doanh nghiệp đến 31/12/2016

TÀI SẢN		NGUỒN VỐN	
Chỉ tiêu	Số tiền	Chỉ tiêu	Số tiền
Tài sản ngắn hạn	6.308.710.040	Nợ phải trả	3.574.320.465
Tài sản dài hạn	7.143.064.264	Vốn chủ sở hữu	9.877.453.839
Tổng tài sản	13.451.774.304	Tổng nguồn vốn	13.451.774.304

4. Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	64.610.410.826	73.156.594.735	13,23
Doanh thu thuần	147.642.372.079	132.411.212.285	-10,32
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.688.443.463	3.633.533.596	35,15
Lợi nhuận khác	72.638.313	283.724.683	290,59
Lợi nhuận trước thuế	2.761.081.776	3.917.285.279	41,87
Lợi nhuận sau thuế	2.201.704.047	3.121.455.975	41,77
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	81,75	76,89	- 6

b/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn:	105,79	77,14	

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
TSLĐ/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	92,44	68,77	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	55,21 123,27	59 143,90	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản	37,85 2,37	39,78 2,05	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,49 7,75 3,54 1,82	2,36 10,41 4,27 2,74	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 1.200.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.200.000 CP

5.2 Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ: có 04 cổ đông lớn và 97 cổ đông nhỏ.
- Cổ đông là tổ chức và cá nhân: có 02 cổ đông là tổ chức và 99 cổ đông cá nhân.

- Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài: có 03 cổ đông nước ngoài và 98 cổ đông trong nước.

- Cổ đông Nhà nước: không có cổ đông nhà nước

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có thay đổi.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: **0 CP.**

5.5 Các chứng khoán khác: không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a/ Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

TT	Nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	So sánh 2016/2015
1	Nhiên liệu	lít	300.563	274.490	91,32%
2	Lốp	bộ	147	112	76,19%
3	Sơn	kg	31	183	590,3%
4	Que hàn	kg	516	225	43,6%
5	Oxy	chai	108	42,5	39,35%
6	Gas	kg	77	66	85,71%
7	Acetylen	kg	47	6,5	13,83%
8	Sắt thép	kg	11.900	2.495	20,97%

b/ Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.2 Tiêu thụ năng lượng

a/ Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Công ty sử dụng điện do Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng cung cấp.

b/ Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Trong điều kiện kinh doanh khó khăn, Công ty đã phát động CBCNV tiết kiệm chi phí, trong đó có chi phí điện bằng các biện pháp:

- Chỉ sử dụng điều hòa nhiệt độ khi cần thiết, đặt nhiệt độ hợp lý
- Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, tăng cường nhắc nhở các trường hợp sử dụng điện lãng phí.
- Đối với kho bãi, sử dụng đèn halogen thay cho đèn cao áp sợi đốt
- Cân đối pha điện sử dụng để nâng cao hệ số $\cos \varphi$

Vì vậy, năm 2015, lượng điện tiêu thụ là 49.693 KWh (114.832 ng đồng), năm 2016 lượng điện tiêu thụ là 51.735 KWh (137.476 ng đồng) có tăng thêm 1 kho bãi.

c/ Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng; báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

6.3 Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a/ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Công ty sử dụng nguồn nước sạch do Công ty cấp nước Đà Nẵng cung cấp, không khai thác nước ngầm tự nhiên.

Lượng nước sử dụng năm 2015 là 1.500 m³ (20.538 ng. đ), năm 2016 là 1.277 m³ (18.205 ng.đ). Mặc dù trong năm công ty có hoạt động thêm 01 kho bãi nhưng công ty đã sử dụng hợp lý hơn nên giảm được lượng nước tiêu thụ đáng kể.

b/ Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a/ Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Công ty đã ký kết hợp đồng với Công ty Quản lý môi trường đô thị về việc thu gom rác thải nên không xảy ra tình trạng vi phạm về quy định môi trường.

b/ Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động : Năm 2016 , Công ty đã xây dựng các qui định mới , các chính sách liên quan có lợi cho người lao động như:

- Điều chỉnh tiền lương cho CBCNV từ 1/1/2016 (QĐ số 23b/QĐ-CTHC, ngày 14/6/2016).
- Định mức tiền lương công nhân lái xe (QĐ số 26-CTHC ngày 17/6/2016).
- Quy định bảng lương chức danh công việc (QĐ số 51/QĐ-CTHC ngày 30/09/2016).
- Quy định mức lương áp dụng cho chức danh công việc (QĐ số 56/QĐ-CTHC ngày 26/10/2016).

- Quy định mức bồi dưỡng hiện vật cho người lao động (QĐ số 57-CTHC ngày 26/10/2016).

a/ Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Tính đến 31/12/2016 số CNCNV của Công ty là 73 người.
- Mức lương trung bình trong năm 2016 là: 7.200.000 đ/người/tháng.

b/ Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động khi đã ký hợp đồng lao động với công ty từ 03 tháng trở lên.

- Công ty hỗ trợ cho 100% chi phí bảo hiểm thân thể 24/24 cho toàn bộ người lao động đang làm việc tại công ty, nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động khi làm việc và cả khi nghỉ ngơi nếu không may gặp phải tai nạn.

- Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% người lao động đang làm việc tại Công ty.

- Trang bị đầy đủ BHLĐ, phương tiện làm việc an toàn cho người lao động khi tham gia và thực hiện lao động sản xuất.

- Tổ chức cho người lao động tham gia các hoạt động ngoại khóa, du lịch tham quan trong nước và nước ngoài.

- Tổ chức và tham gia thường xuyên câu lạc bộ bóng đá nam tại công ty vào các chiều thứ 2,4,6 hàng tuần.

c/ Hoạt động đào tạo người lao động

Năm 2016, Công ty đã tổ chức và cử cán bộ tham gia 17 khóa đào tạo, 70 lượt người tham dự, các khóa đào tạo chủ yếu là nghiệp vụ chuyên môn và nâng cao khả năng quản lý, chăm sóc khách hàng, các khóa huấn luyện về PCCC, ATVSLĐ, các khóa tập huấn về chế độ chính sách mới của Nhà nước liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và người lao động. Đào tạo lại, bố trí lao động hợp lý cho một số đối tượng lao động do tình hình sức khỏe nhằm đảm bảo an toàn và hợp lý tạo điều kiện cho người lao động có việc làm, ổn định cuộc sống.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Hàng năm công ty thường xuyên tham gia công tác xã hội như phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh Hùng, chăm sóc 01 em nhỏ có Ba là CBCNV của Công ty đã mất do bệnh tật, các chương trình do cấp trên, địa phương phát động, các công tác từ thiện như: Ủng hộ các em nhỏ có hoàn cảnh khó khăn trong dịp Tết nguyên đán, trẻ em khuyết tật thành phố Đà Nẵng, quỹ bảo trợ trẻ em, ủng hộ CNVCLĐ vùng thiên tai do thiên tai ngập mặn, ủng hộ đồng bào miền Trung, sửa chữa nhà cho người có công.... các quỹ đền ơn đáp nghĩa,

ủng hộ ngư dân , Tết vì người nghèo nơi Công ty đóng trụ sở... đóng góp vào chương trình từ thiện trên 123 triệu đồng .

- Tham gia các hiệp hội: Hiệp hội vận tải Hàng hóa đường bộ Đà Nẵng, Hiệp hội VLXD Miền Trung Tây nguyên, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hiệp hội Doanh nghiệp trẻ...

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III/ Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Những tiến bộ đã đạt được.

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Sản lượng :			
- Nhiên liệu, Castrol (Lít)	2.261.398	1.979.367	
- Vận tải (TKm)	33.733.176	30.450.090	
- Doanh thu thuần (ng.đ)	179.952.954	147.642.372	132.411.212
- Lợi nhuận kinh doanh (ng.đ)	2.423.057	2.688.443	3.633.533
- Lợi nhuận khác (ng.đ)	-165.589	72.638	283.724
- Lợi nhuận trước thuế (ng.đ)	2.257.467	2.761.081	3.917.258
Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	104,42	105,79	77,14
- Hệ số thanh toán nhanh	88,36	92,44	68,77
Khả năng sinh lời			
- LN sau thuế/ DT thuần	0,99	1,49	2,36
- LN sau thuế/Vốn chủ	6,40	7,75	10,41
- LN sau thuế/Tổng tài sản	3,15	3,54	4,27

a/ Doanh thu năm 2016 giảm so với năm trước 15,231 tỷ chủ yếu là do cạnh tranh về đơn giá vận chuyển hàng hóa giảm.

Công ty đã tăng cường quản lý chi phí, quản lý tài chính nên mặc dù doanh thu giảm nhưng lợi nhuận kinh doanh không ngừng tăng lên.

b/Các chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán tăng dần qua các năm

c/ Các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời cũng tăng dần

2. Tình hình tài chính

2.1/Tình hình tài sản

Tổng giá trị tài sản của Công ty đến 31/12/2016 là 73,156 tỷ, tăng so với 31/12/2015 (64,610 tỷ) là 8,546 tỷ bằng 113,23 % ,

- Trong đó tài sản dài hạn tăng : 13,154 tỷ (50,011 tỷ - 36,857 tỷ)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng : 8,131 tỷ

- Tài sản ngắn hạn giảm 4,608 tỷ (23,144 - 27,752), tỷ trọng trong kết cấu tài sản giảm, trong đó chủ yếu là giảm các khoản trả trước cho người bán : 5,329 tỷ

Như vậy, bản chất trong kết cấu tài sản cuối năm 2016 là tăng tỷ trọng tài sản dài hạn để đầu tư phương tiện vận tải và kho.

2.2 Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả đến 31/12/2016 là 43,161 tỷ, tăng so với 31/12/2015 (35,672 tỷ), là 7,489 tỷ, bằng 120,99 %, trong đó :

Nợ ngắn hạn tăng 3,769 tỷ, tỷ trọng trong tổng nguồn vốn tăng .

Nợ dài hạn tăng 3,720 tỷ.

Tỷ trọng nợ phải trả trên tổng số nguồn vốn tăng (từ 55,21 % lên 58,99 %). Hệ số tự tài trợ đảm bảo , hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán tức thời tăng lên.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức đã được thiết lập mới từ đầu năm 2011 theo hướng từng bước giao quyền chủ động kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc, tăng cường công tác quản lý bằng việc hoàn thiện Hệ thống quy chế của Công ty, thực hành tiết kiệm, hợp lý hóa các chi phí hoạt động của Công ty đặc biệt là giảm chi phí huy động vốn thông qua việc khai thác nguồn vốn vay có chi phí thấp hơn. Trú trọng công tác thu hồi công nợ.

- Công ty cũng đã áp dụng hệ thống chỉ số đo lường hiệu suất chính (KPIs) Công ty cổ phần PORTSERCO được xây dựng để đánh giá hiệu quả làm việc của bộ phận, cá nhân trong Công ty. Xây dựng chương trình thực hiện tốt 5S.

- Xây dựng bổ sung những chính sách tốt cho người lao động: Xây dựng lại hệ thống thang, bảng lương phù hợp với quy định của Nhà nước. Bổ sung, sửa đổi quy định tính lương và trả lương cho Công nhân lái xe tải; những định mức chi phí phù hợp như chi phí tiêu hao nhiên liệu, chi phí khấu hao lớp ô tô.

- Những quy định về phúc lợi tốt cho người lao động: Tham gia đầy đủ chế độ BHXH, BHYT, BHTN; trợ cấp độc hại cho những đối tượng lao động làm trong ngành nghề được hưởng trợ cấp đầy đủ và tốt nhất cho người lao động. Hàng năm tổ chức tham quan, dã ngoại, du lịch trong nước và ngoài nước.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Với mục tiêu chiến lược trở thành nhà kinh doanh dịch vụ Logistics hàng đầu tại miền Trung, vì vậy trong năm 2016 và hướng đến năm 2018 Công ty tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hoàn thiện hệ thống dịch vụ này, bao gồm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đầu tư kho bãi, thiết bị, phát triển trọng tâm các dịch vụ về Container, tăng cường liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước, đặc biệt tham gia khai thác tốt EWEC.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a/ Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, rác thải..):

Năm 2016 công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để hợp lý hóa và tiết kiệm trong việc sử dụng năng lượng, sử dụng nước cũng như thực hiện các quy định chặt chẽ về xử lý rác thải được cam kết với Công ty môi trường thông qua Hợp đồng kinh tế. Thực tế mức sử dụng năng lượng, sử dụng nước đều giảm so với năm 2015, điều này tiết giảm chi phí cho doanh nghiệp và góp phần bảo vệ môi trường, giữ gìn nguồn năng lượng và nguồn nước... Thanh lý các thiết bị cũ và đầu tư mới thiết bị đảm bảo đạt chuẩn về khí thải theo quy định.

b/ Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về giải quyết chính sách cho người lao động (NLĐ). Tất cả NLĐ đều được thực hiện quyền dân chủ của mình thông qua Thỏa ước lao động tập thể; Hội nghị NLĐ hàng năm; Đối thoại định kỳ giữa đại diện NLĐ và ban lãnh đạo công ty. . 100% NLĐ được đăng ký tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, BH tai nạn 24/24; được đảm bảo các chế độ về phụ cấp nghề; được trang bị BHLĐ và huấn luyện ATVSLĐ hàng năm, chế độ tiền lương được đảm bảo; thu nhập năm sau cao hơn năm trước.

c/ Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty đã tham gia tốt tất cả các công tác xã hội như phụng dưỡng mẹ VNAH, tặng quà ủng hộ các em nhỏ có hoàn cảnh khó khăn trong dịp Tết nguyên đán, đóng góp vào các

hoạt động từ thiện nhân đạo như ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, xây dựng nhà tình nghĩa; xây dựng sửa chữa nhà cho những gia đình có công trên địa bàn; tham gia tốt công tác ANTT tại địa bàn công ty hoạt động. Tích cực tham gia hoạt động với các Hội doanh nghiệp trên địa bàn thành phố góp phần xây dựng và phát triển cộng đồng doanh nghiệp.

IV/ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Căn cứ vào kết quả hoạt động của Công ty năm 2016, HĐQT có những ý kiến đánh giá như sau :

1/ Căn cứ vào tình hình thực tiễn, ngay từ đầu năm ĐHCĐ và HĐQT đã thông qua kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2016 do Giám đốc công ty đề xuất. Trong suốt quá trình thực hiện HĐQT đã theo sát tình hình, có những chỉ đạo kịp thời. Năm 2016 tổng sản lượng hàng hóa và dịch vụ tăng 3% tuy nhiên, việc giảm giá nguyên nhiên liệu đầu vào yếu tố cơ bản tạo nên giá thành dịch vụ- dẫn đến giá bán hàng hóa và dịch vụ giảm, do đó công ty không đạt chỉ tiêu doanh thu nhưng lợi nhuận đã đạt vượt kế hoạch đề ra.

2/ Công ty thực hiện nghiêm túc các nội dung công việc theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, của Sàn giao dịch chứng khoán Hà nội đối với công ty niêm yết.

3/ Triển khai tốt các nội dung đầu tư của năm, bao gồm : hoàn thành giai đoạn I đầu tư hạ tầng kho bãi Sơn Hải, đầu tư phương tiện vận tải hàng hóa... tiếp tục thực hiện mục tiêu phát triển dịch vụ Logistics.

4/ Công ty tiếp tục có những giải pháp tăng năng suất lao động, đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, thực hiện tốt các chính sách lao động theo luật định. Duy trì trật tự kỷ cương trong công ty.

5/ Thực hiện tốt các quy định về ATVSLĐ, giải quyết đầy đủ chế độ về BHLĐ cho người lao động theo luật định, không có tai nạn lao động xảy ra.

6/ Tích cực thực hiện Bảo vệ môi trường, chống lãng phí trong sử dụng nguyên vật liệu, năng lượng, nguồn nước, thu gom rác thải công nghiệp, rác thải sinh hoạt theo đúng quy định

7/ Hoạt động của tổ chức Đảng, Đoàn thể trong công ty theo đúng Điều lệ của mỗi tổ chức, phù hợp với luật pháp và quy định hiện hành.

8/ Tham gia tốt các hoạt động xã hội khác như hoạt động “ Đền ơn đáp nghĩa”, các hoạt động từ thiện, giúp đỡ người nghèo, xây dựng- sửa chữa nhà tình nghĩa đối với các gia đình có công với cách mạng...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Giám đốc công ty

2.1/ Thái độ trách nhiệm và kỷ luật

Giám đốc Công ty đã nghiêm túc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết thường kỳ của HĐQT, có tinh thần trách nhiệm cao và thái độ làm việc nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực: quản trị- kinh doanh-tổ chức- điều hành- công tác nhân sự- chế độ chính sách- công tác ATVSLĐ- bảo vệ môi trường- các nghĩa vụ của doanh nghiệp, thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền đúng với quy định của UBCK nhà nước. Giám đốc công ty và các cán bộ quản lý khác đã tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản trị của công ty, tuân thủ luật pháp về kinh doanh cũng như các hoạt động khác.

2.2/ Thực hiện nhiệm vụ được giao

Năm 2016 đứng trước tình hình cạnh tranh gay gắt của thị trường, những biến động về giá cả của nguyên nhiên vật liệu, các khoản phí và lệ phí khác ... Công ty đã có nhiều giải pháp kinh doanh phù hợp, tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, tìm kiếm thêm khách hàng, tăng được sản lượng hàng hóa và dịch vụ cung ứng ra thị trường.

Bên cạnh việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh, Giám đốc Cty đã hoàn thành giai đoạn I dự án kho-bãi Sơn Hải tại khu Hậu cần cảng địa phương trong điều kiện có nhiều khó khăn về vốn và các thủ tục hành chính liên quan khác và đưa vào khai thác từ đầu năm 2016.

Giám đốc công ty giữ được sự ổn định về tổ chức, giải quyết tốt chế độ tiền lương và các chế độ khác cho người lao động. Công ty đã và đang tiếp tục triển khai áp dụng phương thức quản lý doanh nghiệp theo hệ thống ISO, không ngừng nâng cao chất lượng lao động và dịch vụ. Nội bộ công ty luôn có sự đồng thuận cao, không có tranh chấp lao động, trật tự kỷ cương trong đơn vị được duy trì ổn định.

Kết quả hoạt động của doanh nghiệp năm 2016 khẳng định Giám đốc và các cán bộ quản lý của công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Gia tăng sản lượng hàng hóa dịch vụ, lợi nhuận tăng cao, thực hành tiết kiệm, giảm các chi phí trong kinh doanh, sử dụng vốn kinh doanh hợp lý và năng động, công tác quản lý công nợ được cải thiện nhiều giúp tăng hiệu quả kinh doanh.

2.3/ Những vấn đề cần quan tâm giải quyết

Hội đồng quản trị cũng nhận thấy rằng, Giám đốc công ty cần tiếp tục đánh giá đầy đủ về mọi thế mạnh của công ty để tham mưu hoạch định tốt hơn trong chiến lược phát triển doanh nghiệp; tăng cường công tác thị trường, khách hàng hướng tới việc cung cấp dịch vụ Logistics có tính hiệu quả cao cho khách hàng; tiếp tục có những giải pháp quản lý tốt hơn để phát huy tối đa hiệu quả nguồn lực của Công ty; khai thác có hiệu quả những công trình, thiết bị đầu tư mới, có thêm những giải pháp tiết kiệm chi phí, tăng cường hơn nữa công tác

quản trị doanh nghiệp, cơ cấu lại lao động trên cơ sở định biên hợp lý, quan tâm việc đào tạo đội ngũ về chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao năng lực công tác của đội ngũ, xây dựng doanh nghiệp phát triển bền vững theo đúng mục tiêu đã đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với chiến lược phát triển công ty trở thành Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ Logistics hàng đầu tại khu vực miền Trung, HĐQT công ty tiếp tục chỉ đạo việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ trong công tác đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, việc khai thác các nguồn lực của công ty, điều chỉnh và hoàn thiện các sản phẩm dịch vụ phù hợp với nhu cầu của thị trường và điều kiện của công ty, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, công tác quản lý và sử dụng vốn chủ sở hữu cũng như các nguồn tài trợ khác một cách có hiệu quả, thực hiện tốt công tác tiết kiệm, nâng cao năng suất lao động; xây dựng và áp dụng phương thức quản trị theo tiêu chuẩn ISO trong doanh nghiệp.

V/ Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a/Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 05 thành viên.

- | | |
|---|--|
| 1. Ông Nguyễn Xuân Dũng | Chủ tịch HĐQT- QĐ bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là : | 18,79% (225.500 CP /1.200.000 CP) |
| 2. Ông Nguyễn Lê Minh | Ủy viên HĐQT- QĐ bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là : | 19,58% (235.000 CP /1.200.000 CP) |
| 3. Ông Lê Nam Hùng | Ủy viên HĐQT- QĐ bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là : | 7,58% (91.000 CP /1.200.000 CP) |
| 4. Ông Mai Văn Quang | Ủy viên HĐQT- QĐ bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là : | 3,01% (36.100 CP /1.200.000 CP) |
| 5. Bà Nguyễn thị Tuyết | Ủy viên HĐQT- QĐ bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là : | 9,22% (110.610 CP /1.200.000 CP) |

- Ông Mai Văn Quang là thành viên không điều hành tại công ty.

b/ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Chưa có các tiểu ban thuộc HĐQT.

c/ Hoạt động của Hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của HĐQT, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của HĐQT, nội dung và kết quả các cuộc họp)

Căn cứ Điều lệ và Quy chế quản trị công ty, HĐQT tổ chức 6 cuộc họp thường kỳ; 03 cuộc họp bất thường. Các cuộc họp do Chủ tịch HĐQT chủ trì với sự hiện diện đầy đủ

của các thành viên HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát đều được mời tham dự, tư vấn. Các nội dung được chuẩn bị kỹ lưỡng, thực hiện thảo luận dân chủ, trách nhiệm và biểu quyết với sự đồng thuận cao.

Nội dung cơ bản tại các cuộc họp HĐQT chủ yếu chỉ đạo Giám đốc và Ban điều hành thực hiện các mục tiêu kinh doanh, chiến lược phát triển, công tác đầu tư, cân đối nguồn vốn phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp, thông qua báo cáo thường kỳ của Giám đốc công ty, một số vấn đề liên quan đến tổ chức nhân sự và các nội dung Đại hội cổ đông hàng năm....

Nghị quyết các cuộc họp đã được gửi đến cho từng thành viên trong Hội đồng quản trị và được phổ biến đến toàn Công ty để triển khai thực hiện.

d/Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: tham gia các họp do HĐQT tổ chức. Đề xuất một số ý kiến nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong hoạt động sản xuất kinh doanh; đưa ra một số giải pháp trong việc hoàn thiện bộ máy tổ chức nhân sự.

d/ Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

e/Các thành viên Hội đồng quản trị chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

2. Ban Kiểm soát

a/Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.

Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là 03 thành viên.

Cơ cấu Ban Kiểm soát Công ty bao gồm:

- | | |
|---|--|
| 1. Bà Tôn Thị Kim Tuyến | Trưởng ban - QĐ bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là : | 0,33% (4.000 CP /1.200.000 CP) |
| 2. Bà Âu Thị Mai Hoa | Ủy viên - QĐ bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là : | 1,58% (19.000 CP /1.200.000 CP) |
| 3. Bà Mai Trúc Huyền | Ủy viên - QĐ bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết là : | 2,07% (24.800 CP /1.200.000 CP) |

b/ Hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban Kiểm Soát Công ty cổ phần Logistics Portserco đã có sự phối hợp với HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác nhưng vẫn duy trì tính độc lập trong quá trình thực hiện công tác kiểm tra giám sát theo nhiệm vụ được giao.

Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty thông qua ngày 19/3/2016.

Định kỳ xem xét báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý và cả năm của Công ty, xem xét tính pháp lý các yếu tố ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu liên quan đến công tác kế toán tài chính nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, chế độ kế toán trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc, pháp luật của Nhà nước.

Trong năm 2016, Trưởng ban Kiểm soát Công ty đã tham dự 6 cuộc họp thường kỳ của HĐQT Công ty, cùng tham gia ý kiến và các kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành Công ty trong việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch đã hoạch định trong năm.

- Ban Kiểm soát Công ty đã tổ chức họp 03 lần.

Lần 1: ngày 2/3/2016 thông qua báo cáo hoạt động năm 2015 của BKS để chuẩn bị báo cáo đại hội cổ đông thường niên năm 2016 .

Lần 2: ngày 29/7/2016 xem xét báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty .

Lần 3: ngày 29/12/2016 thông qua các chỉ tiêu tài chính ước thực hiện kết quả kinh doanh năm 2016, xem xét báo cáo tài chính năm, công tác kế hoạch năm 2017 và chuẩn bị nội dung báo cáo cho đại hội cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty.

Trong năm 2016, BKS không nhận được bất cứ yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty, về việc điều hành của Hội đồng Quản Trị và Ban điều hành Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a/Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Tiền thưởng năng suất	Thù lao HĐQT	Tiền thưởng HĐQT
1	Nguyễn Xuân Dũng	Chủ tịch HĐQT	115.000.000	19.166.667	42.000.000	
2	Nguyễn Lê Minh	Giám Đốc & UVHĐQT	303.303.592	48.043.128	26.400.000	
3	Lê Nam Hùng	P.Giám đốc & UVHĐQT	223.933.454	35.026.628	26.400.000	
4	Mai Văn Quang	Ủy viên HĐQT			26.400.000	
5	Nguyễn Thị Tuyết	KTT & Ủy viên HĐQT	181.959.455	30.326.576	26.400.000	
6	Tôn Thị kim Tuyến	Trưởng ban Kiểm soát			26.400.000	

7	Âu Thị Mai Hoa	Ủy viên BKS	103.026.080	17.136.944	14.400.000	
8	Mai Trúc Huyền	Ủy viên BKS	90.948.406	14.773.771	14.400.000	

b/Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- Ông Nguyễn Xuân Dũng đăng ký mua 50.000 CP và đã giao dịch mua thành công 50.000 cổ phiếu (Mck: PRC).

- Ông Nguyễn Lê Minh đăng ký mua 50.000 CP và đã giao dịch mua thành công 50.000 cổ phiếu (Mck: PRC).

- Ông Lê Nam Hùng đăng ký mua 50.000 CP nhưng chỉ giao dịch mua thành công 30.000 cổ phiếu (Mck: PRC).

- Bà Nguyễn Thị Tuyết đăng ký mua 50.000 CP nhưng chỉ giao dịch mua thành công 41.910 cổ phiếu (Mck: PRC).

c/Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

d/ Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: hầu hết các quy định về quản trị công ty đã được thực hiện tốt.

VI/ Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính;

37. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	Công ty liên kết

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Bên liên quan	Giao dịch	Năm 2016	Năm 2015
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	Bán hàng	4.222.616.928	7.277.224.771
	Mua hàng	1.222.616.928	1.601.005.145

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2016	Năm 2015
Thù lao Hội đồng quản trị	166.050.000	166.050.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	527.237.046	545.800.000

38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC.

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 02 năm 2017.
Xác nhận đại diện theo pháp luật của Công ty



Nguyễn Lê Minh